

## Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 26 - 12 -2022

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Duy Nhiệm;

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Lê Thị Mai.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy GCNQSD đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11546/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thanh A, sinh 1960, có mặt;

Địa chỉ: Phòng 6 + 7 H, khu tập thể thuốc lá TL, tổ 9, cụm dân cư TL, phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A:* Ông Nguyễn Trọng A1 và ông Mai Tiến A2, Luật sư Văn phòng luật sư ATV, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, ông A1 có mặt, ông A2 vắng mặt.

\* *Bi đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh A3, sinh năm 1958 (mất ngày 12/7/2018);

2. Bà Phan Thị Minh A4, sinh năm 1961, có mặt:

Địa chỉ: Phòng 6 + 7 H, khu tập thể thuốc lá TL, tổ 9, cụm dân cư TL, phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội.

*Người nhận uỷ quyền của gia đình bà Phan Thị Minh A4: Ông Chu Trần A5, sinh năm 1972, có mặt;*

Địa chỉ: Tổ 16, Tập thể viện CN G, phường TX Trung, quận TX, Thành phố Hà Nội.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND quận TX, Thành phố Hà Nội, vắng mặt;

Địa chỉ: Số 9, đường KDT, phường TX B, quận TX, Thành phố Hà Nội.

2. Chị Nguyễn Huyền A6; chị Nguyễn Hà A7 (là con của ông A3 bà A4) chị Huyền A6 vắng mặt, chị Hà A7 có mặt;

3. Anh Nguyễn Anh A9, sinh năm 1984. (người thuê nhà của bà A4), vắng mặt;

Cùng Địa chỉ: Phòng 6 + 7 H, khu tập thể thuốc lá TL, tổ 9, cụm dân cư TL, phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội.

4. Văn phòng công chứng A10, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: N4D, phố LVL, quận TX, Thành phố Hà Nội.

5. Văn phòng công chứng A11, vắng mặt;

Địa chỉ: Số 238, phố HN, phường TH, quận CG, Thành phố Hà Nội.

*\* Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thanh A, có mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh A trình bày:*

Bố mẹ bà là các cụ Nguyễn A12 và cụ Bùi Thị A13 kết hôn ngày 10/4/1957. (Cụ A13 chết ngày 25/4/2000; cụ A12 chết ngày 21/3/2011); cụ A12 và cụ A13 sinh được 02 người con chung là ông Nguyễn Thanh A3, sinh năm 1958 và bà là Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1960. Hai cụ đều là cán bộ nhà máy thuốc lá TL; trước đây được nhà máy phân cho ở một gia nhà tập thể số 7 nhà H Tập thể nhà máy thuốc lá TL. Đến ngày 23/7/1988 gia đình bà được nhà máy thuốc lá TL ra quyết định số 691/TL/HC xếp và điều chỉnh cho dọn đến ở căn phòng số 6-H thuộc Tập thể nhà máy thuốc lá TL.

Tháng 7/2004 Gia đình bà đã ký Hợp đồng thuê nhà với Xí nghiệp kinh doanh nhà số 3 để thuê căn 6+7 nhà H thuộc tập thể nhà máy thuốc lá TL. Số nhân khẩu tham gia Hợp đồng thuê nhà gồm: Nguyễn A12 (chủ hợp đồng); Bùi Thị A13 (vợ); Nguyễn Thanh A3 (con); Phan Thị Minh A4 (con dâu); Nguyễn Huyền A6 (cháu); Nguyễn Hà A7 (cháu); Nguyễn Thanh A (con).

Ngày 14/7/2004 Nhà máy thuốc lá đã có văn bản số 313/TL-CV-HC điều chỉnh nhà số 6+7 nhà H tập thể thuốc lá TL, với nội dung đề nghị Công ty kinh doanh nhà số 3, Xí nghiệp kinh doanh nhà TX chấp nhận cho gia đình bà với các thành viên như đã nêu ở trên do bố bà là cụ Nguyễn A12 được đại diện làm thủ

tục sở hữu căn hộ số 6 + 7 nhà H tập thể thuốc lá TL. Ngày 09/6/2005 gia đình bà được UBND quận TX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 411016 đứng tên bố bà là Nguyễn A12. Trong quá trình sinh sống tại đây, vợ chồng anh trai bà là Ông A3 bà A4 đã phá dỡ nhà cũ và xây dựng thành ngôi nhà 2 tầng như hiện nay. Ngày 28/9/2007 cụ A12 có lập di chúc phân chia tài sản như sau: Bố bà và bà được toàn quyền sử dụng tầng 1 và công trình phụ, vợ chồng anh Nguyễn Thanh A3 và các con toàn quyền sử dụng tầng 2 của ngôi nhà. Kể từ khi mẹ bà qua đời đến ngày 28/12/2008 thì bà, cùng bố và anh trai cùng sinh sống trên ngôi nhà và thửa đất đứng tên cụ A12, gia đình chưa có sự phân chia thừa kế. Ngày 28/12/2008 ông A3 đã lừa bố bà ký hợp đồng tặng cho toàn bộ căn nhà trong đó có cả phần của bà và tự ý làm hồ sơ sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà sang tên ông A3 và vợ là Phan Thị Minh A4 không có sự đồng ý của bà. Bà đã yêu cầu UBND phường TĐ giải quyết tranh chấp nhưng ông A3 không đến tham dự.

Ngày 21/3/2011 Bố bà chết, kể từ khi bố mẹ qua đời, bà và ông A3 cùng sinh sống trên nhà đất này chưa thực hiện phân chia thừa kế di sản.

Vì vậy, bà yêu cầu: Huỷ Hợp đồng tặng cho tài sản nhà đất giữa Bố bà là cụ Nguyễn A12 với ông Nguyễn Thanh A3; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 225888 do UBND quận TX cấp cho ông Nguyễn Thanh A3 và bà Phan Thị Minh A4; đồng thời chia thừa kế đối với toàn bộ di sản do Bố Mẹ bà để lại là quyền sử dụng 97,5m<sup>2</sup> đất ở và quyền sở hữu căn hộ 6+7 nhà H tập thể nhà máy thuốc lá TL, phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thanh A rút yêu cầu chia thừa kế tài sản, chỉ yêu cầu Huỷ Hợp đồng tặng cho tài sản giữa cụ Nguyễn A12 với con trai là ông Nguyễn Thanh A3 và yêu cầu Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng Ông Nguyễn Thanh A3 và Bà Phan Thị Minh A4.

*\* Bị đơn là Bà Phan Thị Minh A4 và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Nhất trí như trình bày của bà A về mối quan hệ huyết thống, thời gian mất của cụ A12 và cụ A13. Bà A4 là vợ ông Nguyễn Thanh A3, vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Hà A7, sinh 1998; Nguyễn Huyền A6, sinh 1985. Do bố mẹ chồng và chồng bà đều là cán bộ nhà máy thuốc lá TL công tác tại nhà máy đến lúc nghỉ hưu, nên trước đây gia đình chồng được nhà máy thuốc lá TL phân cho ở một gian nhà tập thể tại phòng số 7 nhà H khu tập thể thuốc lá TL. Đến năm 1988, do gia đình có thêm nhân khẩu (do ông A3 kết hôn với Bà và sinh con) nên Nhà máy có điều chỉnh lại nhà tập thể; từ đó gia đình bà được phân thêm phòng số 6 nhà H, theo quyết định phân nhà của nhà máy tính cả tiêu chuẩn của vợ chồng con cái của bà. Tại thời điểm phân thêm nhà năm 1988, thì bà Nguyễn Thanh A đã cắt hộ khẩu khỏi gia đình, về với gia đình nhà chồng ở số 98 ĐLT, phường ÔCD, nên bà A không có tiêu chuẩn được phân nhà tập thể của nhà máy thuốc lá TL, vì bà A không phải là cán bộ công nhân viên nhà máy; ngày 11/4/1994 bà A ly hôn chồng mới nhập lại vào hộ khẩu của gia đình. Ngay từ khi

còn sống, cụ A12 đã phân chia tài sản cho hai con rõ ràng; bà A là con gái đi lấy chồng được cụ A12 cho các tài sản khác, còn ông A3 là con trai trực tiếp sinh sống cùng bố mẹ được cụ A12 giao cho phần nhà tập thể.

Ngày 25/4/2000 cụ Bùi Thị A13 chết; năm 2004 gia đình bà ký Hợp đồng thuê nhà với Công ty kinh doanh nhà số 3. Bản hợp đồng thuê nhà cũng do nhân viên của công ty kinh doanh nhà số 3 viết toàn bộ nội dung, ghi các thành viên trong hợp đồng thuê nhà ghi 07 người là do nhân viên công ty ghi theo sổ hộ khẩu của gia đình, chứ không phải do gia đình tự ghi nên ghi không chính xác, kể cả cụ Bùi Thị A13 đã chết từ năm 2000 vẫn được ghi tên trong Hợp đồng thuê nhà. Theo quy định chỉ có những người là cán bộ công nhân viên của nhà máy, có tiêu chuẩn phân nhà của nhà máy, đang trực tiếp sinh sống tại đây mới được thuê nhà. Gia đình bà lúc đó chỉ có cụ A12, ông A3, bà và 2 con của vợ chồng bà là cháu Hà A7 và Huyền A6 mới có tiêu chuẩn thuê nhà đối với nhà tập thể Thuốc Lá TL, còn bà A không có tiêu chuẩn, bà A có nhập khẩu vào gia đình sau khi ly hôn chồng thứ nhất, sau đó bà A lại lấy chồng lần thứ 2 nên sinh sống ở nơi khác và cũng không phải là công nhân viên của nhà máy thuốc lá TL. Đến tháng 12/2004 được mua nhà theo nghị định 61/CP của chính phủ, nhưng trước đó ngày 26/8/2004 cụ Nguyễn A12 đã ra UBND phường để viết giấy xin giao quyền sở hữu nhà ở cho con trai là Nguyễn Thanh A3. Chính vì vậy nên ông A3 là người trực tiếp đi làm thủ tục mua nhà của nhà nước; mặc dù trong bản hợp đồng mua nhà số: 463/HĐ-MBN ngày 26/12/2004 ghi đại diện bên mua là ông Nguyễn A12, nhưng cụ A12 không phải là người trực tiếp đi làm hợp đồng mua nhà mà là ông A3; việc cụ A12 đứng tên trong hợp đồng là do Công ty kinh doanh nhà số 3 đã đánh máy sẵn Hợp đồng theo Hợp đồng thuê nhà trước đó; ông A3 là người trực tiếp ký hợp đồng với Công ty kinh doanh nhà và số tiền nộp mua nhà là của vợ chồng bà, do vợ chồng bà nộp 12 triệu đồng cho nhà nước để mua căn nhà số 6+7 H lại căn nhà cấp 4 diện tích 37m<sup>2</sup>, diện tích đất 97,5m<sup>2</sup>.

Năm 2005 UBND quận TX đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho gia đình bà, do Hợp đồng mua nhà đứng tên cụ Nguyễn A12, nên cụ A12 đã viết giấy giao quyền sở hữu nhà ở cho ông A3 từ năm 2004 có xác nhận của UBND phường TĐ. Do đó, gia đình bà vẫn đồng ý để cụ Nguyễn A12 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2006 cụ A12 đã làm Hợp đồng tặng cho tài sản nhà đất cho con trai là anh Nguyễn Thanh A3 tại phòng Công chứng số 4 và sau đó ông Nguyễn Thanh A3 đã được sang tên quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với tài sản này. Năm 2008 vợ chồng bà đã thoả thuận nhập tài sản chung vợ chồng, vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu chung căn nhà 6+7 H khu tập thể thuốc lá TL, phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội.

Trước đó, năm 1994, sau khi Bà đi lao động ở nước Đức trở về có dành được số tiền, nên vợ chồng bà đã bàn bạc thống nhất với gia đình phá dỡ ngôi nhà cấp 4 mái ngói cũ và xây dựng lại thành ngôi nhà bê tông kiên cố 2 tầng trên toàn bộ diện tích đất. Việc xây dựng nhà mới, gia đình có làm đơn xin phép nhà máy thuốc lá TL trong đơn cũng ghi rõ số nhân khẩu trong gia đình lúc đó có 06 người

(gồm 2 vợ chồng cụ A12, 2 vợ chồng bà và 2 đứa con, không tên bà A) và được Lãnh đạo nhà máy thuốc lá TL cho phép xây dựng. Đến năm 2010 vợ chồng bà lại tiến hành sửa chữa nhà, thành ngôi nhà 2 tầng 1 tum như hiện tại, việc sửa chữa nhà vợ chồng bà cũng được cấp phép xây dựng số: 207/2010/GPXD do UBND huyện TX cấp ngày 25/3/2010.

Đối với bà Nguyễn Thanh A, khi Bố mẹ chồng còn sống, thì Bố mẹ chồng bà cũng đã mua cho bà A 02 gian ki ốt số 59 - 60 tại chợ CG để bà A kinh doanh buôn bán; bà A đã được Bố mẹ cho tài sản riêng, có nhà ở riêng, đã được ghi nhận trong Quyết định ly hôn năm 2001 (Bản án dân sự phúc thẩm số: 76 ngày 07/5/2001 của Toà Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội).

Như vậy, cụ A12 đã phân chia tài sản cho các con từ khi còn sống, mỗi người con đều đã được hưởng tài sản không có thắc mắc gì. Phần tài sản bà A được cụ A12 cho ở tại thời điểm ngày trước còn có giá trị lớn, còn phần tài sản cụ A12 giao cho ông A3 sở hữu thực chất là của vợ chồng bà xây dựng nên.

Do đó, bà A4 khẳng định toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà; bà A không có quyền gì đối với tài sản này, bố mẹ chồng bà cũng không còn tài sản gì nữa, nên bà không đồng ý với yêu cầu của bà A.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Huyền A6 và Nguyễn Hà A7 đồng ý với ý kiến trình bày của bà Phan Thị Minh A4.*

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Anh A9 trình bày:*

Anh là người thuê nhà của gia đình bà A4 ông A3 tại nhà số 6+7 H, ngõ 133 Nguyễn Trãi, phường TĐ, quận TX, tp Hà Nội. Việc tranh chấp tài sản nhà đất giữa bà Nguyễn Thanh A với gia đình ông A3 Bà A4 anh không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật và cho phép anh xin được vắng mặt trong tất cả quá trình tiến hành tố tụng của Toà án.

*\* Văn phòng công chứng số 4 trình bày:* Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 411016, Hồ sơ gốc số: 666.2005.QĐUB/08.2005 do UBND quận TX cấp ngày 09/06/2005 và xác nhận tình trạng hôn nhân thì cụ Nguyễn A12 là chủ sở hữu căn nhà và chủ sử dụng thửa đất số 64b, tờ bản đồ số 116-5G-I14, tại: 06+07, nhà H, tập thể Thuốc lá TL, phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội; các bên đã xuất trình bản chính các giấy tờ cần thiết cho công chứng viên bao gồm: Phiếu yêu cầu công chứng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân. Sau khi công chứng viên soạn thảo xong Hợp đồng, các bên đã tự đọc lại Hợp đồng, công nhận hiểu rõ nội dung của Hợp đồng; hai bên ký tên, điểm chỉ vào Hợp đồng trước sự chứng kiến của Công chứng viên. Các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, có năng lực hành vi theo quy định của pháp luật, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, nên Công chứng viên phòng công chứng số 4 chứng nhận vào hợp đồng ngày 20/01/2006, việc chứng nhận là đúng quy định của pháp luật.

*\* Văn phòng công chứng A11 trình bày:*

Về thủ tục công chứng: Tại thời điểm ký hợp đồng, ông Nguyễn Thanh A3 và bà Phan Thị Minh A4 đã xuất trình đầy đủ bản chính CMND, sổ hộ khẩu, Đăng ký kết hôn, Hợp đồng tặng cho nhà và quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 411016 do UBND quận TX thành phố Hà Nội cấp ngày 09/06/2005. Đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Thanh A3 do được nhận tặng cho ngày 19/04/2006; ông Nguyễn Thanh A3 đã tự nguyện nhập toàn bộ tài sản riêng của mình là toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại: Thửa đất số 64b; tờ bản đồ số: 116-5G-I14, địa chỉ: Căn hộ số 06+07 nhà H, tập thể Thuốc Lá TL, TĐ, TX, tp Hà Nội vào tài sản chung vợ chồng. Ông Nguyễn Thanh A3 và vợ là Phan Thị Minh A4 cam đoan, việc thoả thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng được thực hiện theo đúng ý chí của hai vợ chồng và không nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ tài sản nào. Hai bên đã nhất trí về mọi điều khoản ghi nhận trong văn bản thoả thuận này; đã tự đọc và nghe công chứng viên đọc lại Hợp đồng, đã tự nguyện ký, điểm chỉ vào văn bản trước sự chứng kiến của công chứng viên. Việc ký văn bản thoả thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng nêu trên được thực hiện đúng quy định của Luật công chứng. Do đó yêu cầu tuyên huỷ Văn bản thoả thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng số 001482/2008 quyền số: 02TP/CC-SCC/VBTT do công chứng viên ký ngày 09/12/2008 là không có cơ sở.

*\* UBND quận TX, Thành phố Hà Nội trình bày:*

Căn hộ 06+07 nhà H khu tập thể nhà máy thuốc lá TL, phường TĐ, quận TX, tp Hà Nội được UBND quận TX cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số AC 411016 ngày 09/6/2005 cho ông Nguyễn A12 đối với thửa đất số 64b; tờ bản đồ số 116-5G - I14; đất ở: Sử dụng riêng 97,5m<sup>2</sup>; Sử dụng chung: 0m<sup>2</sup>; nhà ở: Tường xây, mái ngói 1 tầng; DTSD: 37m<sup>2</sup>. Ngày 20/01/2006 cụ ông Nguyễn A12 tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trên cho ông Nguyễn Thanh A3 theo Hợp đồng số 60.2006 lập tại phòng công chứng số 4, đăng ký sang tên tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận TX và được xác nhận tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/4/2006. Ngày 09/12/2008 ông Nguyễn Thanh A3 và vợ là Phan Thị Minh A4 đã ký văn bản thoả thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng, số công chứng số 001482/2008 lập tại Văn phòng công chứng A11 để bà Phan Thị Minh A4 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó đã được UBND quận TX cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AL 225888 ngày 18/12/2008.

Việc văn phòng đăng ký đất và nhà quận TX thực hiện đăng ký biến động, trình UBND quận TX cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AL 225888 ngày 18/12/2008 cho ông Nguyễn Thanh A3 và bà Phan Thị Minh A4 là đúng quy định.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2020/DS-ST, ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Các Điều: 34; 37; 38, 217, 218, 219 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 405, 465, 467 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 457, 459 Bộ luật

dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị huỷ Hợp đồng tặng cho tài sản giữa cụ Nguyễn A12 với ông Nguyễn Thanh A3;

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Thanh A3, bà Phan Thị Minh A4.

- Xác nhận Căn hộ 06+07 nhà H khu tập thể nhà máy thuốc lá TL, phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thanh A3 và bà Phan Thị Minh A4.

Tiếp tục giao tài sản là căn hộ 06 + 07 nhà H khu tập thể nhà máy thuốc lá TL, phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội cho bà Phan Thị Minh A4 và các con Nguyễn Hà A7, Nguyễn Huyền A6 sở hữu sử dụng.

- Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thanh A đối với di sản của cụ Nguyễn A12 và cụ Bùi Thị A13. Bà Nguyễn Thanh A có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng; tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận được các đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh A với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Ngày 25/12/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VC1-DS với nội dung kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là Nguyễn Thanh A cho rằng giữa bà A với phía bị đơn là bà A4 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng mặc dù Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên quyền lợi ích hợp pháp của đương sự đã được bảo đảm, nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội rút toàn bộ nội dung kháng nghị.

*Các đương sự trình bày:*

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh A trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm thấy quyền lợi của mình bị ảnh hưởng nên bà A đã có đơn kháng cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà A và phía bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; cụ thể: Bà A4 đồng ý hỗ trợ cho bà A số tiền 500.000.000đ thì bà A4 và các con được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền trên thửa đất đang có tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

- Bị đơn là bà Phan Thị Minh A4 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Hà A7 trình bày: Nhất trí như ý kiến của bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án; các nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:

1. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Nguyễn A12 và cụ Bùi Thị A13 của bà Nguyễn Thanh A.

2. Bà Phan Thị Minh A4 đồng ý hỗ trợ cho bà Nguyễn Thanh A số tiền 500.000.000đ thì bà A4 và các con được quyền sở hữu căn hộ 06+07 nhà H khu tập thể nhà máy thuốc lá TL, cũng như được quyền sử dụng thửa đất số 64b; tờ bản đồ số 116-5G - I14 thuộc phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thanh A chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản, xác nhận bà A đã nộp đủ số tiền này.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh A thuận chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Việc các đương sự thỏa thuận với nhau là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, đã đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự, nên Quyết định kháng nghị là không cần thiết. Do đó, Viện kiểm sát đã rút toàn bộ nội dung kháng nghị. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 289; Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

*\* Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh A là yêu cầu chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất; đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cụ Bùi Thị A13 chết năm 2000, cụ Nguyễn A12 chết năm 2011. Căn cứ Điều 688, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu mở thừa kế để yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm. Ngày 21/8/2018 bà Nguyễn Thanh A có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, nên vụ việc đang trong thời hiệu khởi kiện. Ngoài yêu cầu chia di sản thừa kế đương sự còn đề nghị xem xét đến GCNQSD đất mà UBND quận TX, Thành phố Hà Nội đã cấp cho ông Nguyễn Thanh A3 và bà Phan Thị



Minh A4; đây là quyết định hành chính cá biệt của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Vì vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính và khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh A đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế tài sản, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của bà A là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu này của bà A là đúng quy định tại khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn là bà A khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh A3, nhưng ngày 12/7/2018 ông Nguyễn Thanh A3 chết, nên Nguyên đơn có đơn bổ sung, thay đổi đơn khởi kiện là khởi kiện đối với bà Phan Thị Minh A4. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn trong vụ án này là bà Phan Thị Minh A4, đồng thời đưa các con ông A3 bà A4 là chị Hà A7, chị Huyền A6 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã rút toàn bộ nội dung kháng nghị và đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*\* Về nội dung:*

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; các thỏa thuận cụ thể như sau:

[5.1]. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thanh A đối với di sản của cụ Nguyễn A12 và cụ Bùi Thị A13.

[5.2]. Bà Phan Thị Minh A4 đồng ý hỗ trợ cho bà Nguyễn Thanh A số tiền 500.000.000đ; bà A4 và các con được quyền sở hữu căn hộ 06+07 nhà H khu tập thể nhà máy thuốc lá TL, cũng như được quyền sử dụng thửa đất số 64b; tờ bản đồ số 116-5G - I14 thuộc phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội; đất đã được UBND quận TX, Thành phố Hà Nội cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Thanh A3 và bà Phan Thị Minh A4 số AL 225888 ngày 18/12/2008.

[5.3]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thanh A chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản, bà A đã nộp đủ số tiền này và cấp sơ thẩm đã chi phí.

[5.4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh A thuận chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự là có căn cứ.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên lẽ ra người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thanh A là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh A với bị đơn là bà Phan Thị Minh A4, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Huyền A6 và chị Nguyễn Hà A7; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2020/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, các nội dung thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:

1. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thanh A đối với di sản của cụ Nguyễn A12 và cụ Bùi Thị A13.

2. Bà Phan Thị Minh A4 đồng ý hỗ trợ cho bà Nguyễn Thanh A số tiền 500.000.000đ; bà Phan Thị Minh A4 và các con là chị Nguyễn Huyền A6 và chị Nguyễn Hà A7 được quyền sở hữu căn hộ 06+07 nhà H khu tập thể nhà máy thuốc lá TL, cũng như được quyền sử dụng thửa đất số 64b, tờ bản đồ số 116-5G - I14 thuộc phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội; đất đã được UBND quận TX, Thành phố Hà Nội cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Thanh A3 và bà Phan Thị Minh A4 số AL 225888 ngày 18/12/2008. Bà A4 đã bàn giao số tiền 500.000.000đ cho bà A ngay tại phiên tòa phúc thẩm, bà A xác nhận đã nhận đủ số tiền trên; xác nhận bà A4 đã giao đủ số tiền trên cho bà A.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thanh A thuận chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản, xác nhận bà A đã nộp đủ số tiền này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh A thuận chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp 10.000.000đ theo biên lai số AA/2017/0006004 ngày 03/10/2018 của Cục

Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội, hoàn trả lại cho bà A số tiền còn lại là 9.700.000đ, xác nhận bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thanh A, hoàn trả cho bà A 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0021616, ngày 18/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THA dân sự thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm**